VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không

Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2022.

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;

Căn cứ Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không.[1]

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với nhân viên hàng không, các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không.

---

[1] Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không, có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;*

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Căn cứ Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ An toàn giao thông và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không."

Điều 3. Quy ước viết tắt

Trong Thông tư này, các chữ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

1. ADS-B (Automatic Dependent Surveillance - Broadcast): giám sát phụ thuộc tự động - chế độ phát quảng bá.

2. AFTN (Aeronautical Fixed Telecommunication Network): mạng viễn thông cố định hàng không.

3. AIP (Aeronautical Information Publication): tập thông báo tin tức hàng không.

4. AIS (Aeronautical Information Service): dịch vụ thông báo tin tức hàng không.

5. AMHS (Air Traffic Service Message Handling System): hệ thống xử lý điện văn dịch vụ không lưu.

6. ATFM (Air Traffic Flow Management): quản lý luồng không lưu.

7. CNS (Communication, Navigation, Surveillance): thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không.

8. DME (Distance Measuring Equipment): thiết bị đo cự ly.

9. FDP (Flight Plan Data Processing): xử lý hệ thống dữ liệu bay.

10. GBAS (Ground Based Augmentation System): hệ thống tăng cường độ chính xác của tín hiệu vệ tinh dẫn đường đặt trên mặt đất.

11. HF A/G (High Frequency Air/Ground): thông tin sóng ngắn không - địa.

12. IATA (International Air Transport Association): hiệp hội vận tải hàng không quốc tế.

13. ICAO (International Civil Aviation Organization): tổ chức hàng không dân dụng quốc tế.

14. ILS (Instrument Landing System): hệ thống hạ cánh bằng thiết bị.

15. ILS/DME/Marker (Instrument Landing System/Distance Measuring Equipment/ Marker): hệ thống hạ cánh bằng thiết bị/thiết bị đo cự ly/đài chỉ mốc vô tuyến.

16. NDB (Non Directional Radio Beacon): đài dẫn đường vô hướng.

17. NOTAM (Notice to Airmen): điện văn thông báo hàng không.

18. OJT (On-Job-Training): thực tập tại vị trí làm việc.

19. PSR (Primary Surveillance Radar): ra đa giám sát sơ cấp.

20. RDP (Radar Data Processing): xử lý dữ liệu ra đa.

21. SSR (Secondary Surveillance Radar): ra đa giám sát thứ cấp.

22. VHF A/G (Very High Frequency Air/Ground): thông tin sóng cực ngắn không - địa.

23. VOR (Very High Frequency Omnidirectional Radio Range): đài vô tuyến đa hướng sóng cực ngắn.

24. VCCS (Voice Communication Control System): hệ thống chuyển mạch thoại.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Năng định là chứng nhận về năng lực chuyên môn của nhân viên hàng không đáp ứng đủ điều kiện thực hiện nhiệm vụ theo chức danh ghi trong giấy phép nhân viên hàng không.

2. Chương trình đào tạo, huấn luyện ban đầu là chương trình đào tạo, huấn luyện bao gồm 02 (hai) phần: kiến thức chung về hàng không dân dụng và nghiệp vụ nhân viên hàng không. Sau khi hoàn thành chương trình này, học viên được cấp chứng chỉ chuyên môn.

3. Chương trình huấn luyện năng định là chương trình huấn luyện dành cho nhân viên hàng không đã được cấp chứng chỉ chuyên môn để tham dự kỳ sát hạch cấp năng định theo quy định trong lĩnh vực chuyên ngành.

4. Chương trình huấn luyện định kỳ là chương trình huấn luyện nhắc lại các kiến thức đã được học và bổ sung cập nhật kiến thức mới chuyên ngành hàng không để nhân viên hàng không duy trì khả năng làm việc ở vị trí năng định đã được cấp.

5. Chương trình huấn luyện phục hồi là chương trình huấn luyện cho nhân viên hàng không có thời gian nghỉ giãn cách quá thời gian quy định để phục hồi khả năng đáp ứng công việc chuyên môn.

6. Chương trình huấn luyện chuyển loại là chương trình huấn luyện cho nhân viên hàng không khi chuyển đổi vị trí chuyên môn hoặc chuyển đổi vị trí năng định.

7. Chương trình huấn luyện bay làm quen là chương trình huấn luyện cho nhân viên không lưu tìm hiểu hoạt động của tổ lái trên buồng lái trong chuyến bay thương mại.

8.[2] Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (gọi tắt là cơ sở đào tạo) là cơ sở có đủ điều kiện hoạt động đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định của pháp luật.

9. Sát hạch nhân viên hàng không là việc kiểm tra để cấp giấy phép, năng định chuyên môn hoặc đánh giá để cấp chứng nhận trình độ tiếng Anh cho nhân viên hàng không.

10.[3] Đào tạo, huấn luyện trực tuyến là hình thức đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không được thực hiện thông qua phần mềm đào tạo, huấn luyện trực tuyến và hạ tầng công nghệ thông tin trên nền tảng mạng Internet.

11.[4] Học liệu đào tạo, huấn luyện trực tuyến bao gồm giáo trình, tài liệu giảng dạy hoặc tài liệu tham khảo, bài kiểm tra đánh giá được trình bày dưới hình thức các tập tin trình chiếu, hình ảnh, video, các ứng dụng tương tác trực tiếp giữa giáo viên và học viên.

---

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2022.

[3] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2022.

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2022.

Điều 5. Thời gian giảng dạy, quy đổi thời gian giảng dạy[5]

1. Thời gian giảng dạy trong chương trình đào tạo, huấn luyện được tính bằng tiết học.

2. Quy đổi thời gian giảng dạy: 01 (một) tiết lý thuyết là 45 phút, 01 (một) tiết thực hành là 60 phút.

Chương II
NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Điều 6. Chức danh nhân viên hàng không

1.[6] Thành viên tổ lái bao gồm lái chính, lái phụ và nhân viên hàng không khác phù hợp với loại tàu bay.

2. Giáo viên huấn luyện bay.

3. Tiếp viên hàng không.

4. Nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị tàu bay.

5. Nhân viên điều độ, khai thác bay.

6. Nhân viên không lưu.

7. Nhân viên thông báo tin tức hàng không.

8. Nhân viên bản đồ, sơ đồ, dữ liệu hàng không.

9. Nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không.

10. Nhân viên khí tượng hàng không.

11. Nhân viên thiết kế phương thức bay.

---

[5] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2022.

[6] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2022.

12. Nhân viên tìm kiếm, cứu nạn hàng không dân dụng.

13. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.

14. Nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

15. Nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay.

16. Nhân viên cứu nạn, chữa cháy tại cảng hàng không, sân bay.

Điều 7. Nhiệm vụ theo chức danh của nhân viên hàng không

1. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh, duy trì trật tự, tuần tra, canh gác bảo vệ tại cảng hàng không, sân bay và các cơ sở khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về an ninh hàng không.

2. Nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay thực hiện nhiệm vụ điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

3.[7] Nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay thực hiện một hoặc một số các nhiệm vụ: giám sát, điều phối, phục vụ hành khách, hành lý, hàng hóa, tàu bay tại cảng hàng không, sân bay và các cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không nằm ngoài phạm vi ranh giới cảng hàng không, sân bay được Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy phép.

4. Nhân viên cứu nạn, chữa cháy tại cảng hàng không, sân bay thực hiện nhiệm vụ cứu nạn, chữa cháy trong trường hợp xảy ra sự cố, tai nạn tại cảng hàng không, sân bay.

---

[7] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2022.

5. Các chức danh nhân viên hàng không quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 6 của Thông tư này thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hàng không về lĩnh vực tàu bay, khai thác tàu bay, quản lý và bảo đảm hoạt động bay.

Điều 8. Tiêu chuẩn nhân viên hàng không

1. Nhân viên hàng không quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 6 của Thông tư này đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hàng không về lĩnh vực tàu bay, khai thác tàu bay, quản lý và bảo đảm hoạt động bay.

2. Nhân viên hàng không quy định tại khoản 13 Điều 6 của Thông tư này đáp ứng các tiêu chuẩn như sau:

a) Là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên có lý lịch rõ ràng, đủ sức khỏe, tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên;

b) Không có tiền án, tiền sự theo quy định của pháp luật; không sử dụng ma túy, chất kích thích;

c) Được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.

3. Nhân viên hàng không quy định tại khoản 14, 15 và 16 Điều 6 của Thông tư này đáp ứng các tiêu chuẩn như sau:

a) Là công dân Việt Nam hoặc nước ngoài đủ 18 tuổi trở lên có lý lịch rõ ràng, đủ sức khỏe, tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên;

b) Không có tiền án, tiền sự theo quy định của pháp luật; không sử dụng ma túy, chất kích thích;

c) Đối với nhân viên hàng không quy định tại khoản 14 Điều 6 của Thông tư này phải được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay;

d) Đối với nhân viên hàng không quy định tại khoản 15 và 16 Điều 6 của Thông tư này phải có chứng chỉ chuyên môn chuyên ngành hàng không quy định tại khoản 1 Điều 9 của Thông tư này.

Điều 9. Chứng chỉ chuyên môn và Giấy chứng nhận trình độ tiếng Anh

1. Chứng chỉ chuyên môn quy định tại Thông tư này, bao gồm một trong các loại sau:

a) Chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo, huấn luyện ban đầu chuyên ngành hàng không của cơ sở đào tạo được Cục Hàng không Việt Nam cấp phép theo mẫu tại Phụ lục 01 ban hành kèm Thông tư này;

b) Chứng nhận của cơ sở đào tạo được ICAO, IATA công nhận; cơ sở đào tạo của nước ngoài đã được Cục Hàng không Việt Nam công nhận theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này;

c) Chứng nhận điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị chuyên ngành hàng không của cơ sở sản xuất, chế tạo phương tiện, thiết bị;

d) Văn bằng, chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo cơ bản chuyên ngành hàng không của cơ sở đào tạo tại Việt Nam theo pháp luật về giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp.

2. Chứng chỉ chuyên môn quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều này chỉ được công nhận tại Việt Nam với điều kiện người có văn bằng, chứng chỉ được đào tạo bổ sung các nội dung chưa được đào tạo theo chương trình đào tạo, huấn luyện ban đầu nghiệp vụ nhân viên hàng không tại cơ sở đào tạo được Cục Hàng không Việt Nam cấp phép.

3. Giấy chứng nhận trình độ tiếng Anh cho nhân viên hàng không quy định tại Thông tư này được cấp bởi Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam theo mẫu tại Phụ lục 02 ban hành kèm Thông tư này.

Điều 10. Giấy phép nhân viên hàng không

1.[8] Giấy phép nhân viên hàng không được cấp cho cá nhân khi đảm bảo quy định tại Điều 8 của Thông tư này và đạt yêu cầu của kỳ sát hạch cấp giấy phép, năng định nhân viên hàng không của Cục Hàng không Việt Nam.

---

[8] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2022.

2. Giấy phép nhân viên hàng không bao gồm các nội dung sau đây:

a) Quốc hiệu nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Cơ quan cấp giấy phép;

c) Tên giấy phép;

d) Số giấy phép;

đ) Ngày cấp, thời hạn của giấy phép (nếu có);

e) Họ tên, ngày sinh, nơi sinh, địa chỉ, quốc tịch của người được cấp giấy phép;

g) Năng định;

h) Chữ ký của người được cấp giấy phép và dấu của cơ quan cấp giấy phép;

i) Anh của người được cấp giấy phép được đóng dấu giáp lai;

k) Yêu cầu khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hàng không.

3. Các chức danh nhân viên hàng không quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 Điều 6 của Thông tư này khi thực hiện nhiệm vụ phải mang theo giấy phép nhân viên hàng không còn hiệu lực.

4. Nhân viên hàng không không thuộc đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều này khi thực hiện nhiệm vụ phải có chứng chỉ chuyên môn phù hợp.

Điều 11. Danh mục và thời hạn hiệu lực của giấy phép và năng định nhân viên hàng không

1. Danh mục giấy phép, năng định nhân viên hàng không được quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giấy phép nhân viên hàng không chỉ có hiệu lực khi năng định còn hiệu lực, riêng đối với giấy phép nhân viên hàng không quy định tại khoản 14 Điều 6 Thông tư này có hiệu lực là 07 (bảy) năm.

Chương III
ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Điều 12. Chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không bao gồm:

a) Chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ ban đầu để cấp chứng chỉ chuyên môn;

b) Chương trình huấn luyện năng định nhân viên hàng không;

c) Chương trình huấn luyện phục hồi nhân viên hàng không;

d) Chương trình huấn luyện chuyển loại nhân viên hàng không;

đ) Chương trình huấn luyện định kỳ nhân viên hàng không;

e) Chương trình huấn luyện bay làm quen đối với kiểm soát viên không lưu.

2. Chương trình đào tạo, huấn luyện đối với các chức danh nhân viên hàng không tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 13 Điều 6 thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hàng không. Chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không đối với các chức danh còn lại thực hiện theo quy định tại Phụ lục 04, Phụ lục 05 ban hành kèm Thông tư này.

Điều 13. Giáo trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

Giáo trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không do cơ sở đào tạo ban hành và phải phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện quy định tại khoản 2 Điều 12 và khoản 1 Điều 21 Thông tư này.

Điều 14. Công nhận cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không ở nước ngoài

Cục Hàng không Việt Nam căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hàng không, các điều ước quốc tế nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên để công nhận cơ sở ở nước ngoài đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không của Việt Nam.

Điều 15. Đào tạo, huấn luyện trực tuyến nghiệp vụ nhân viên hàng không[9]

1. Hình thức đào tạo, huấn luyện trực tuyến chỉ áp dụng đối với các môn học lý thuyết.

---

[9] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2022.

2. Nội dung đào tạo, huấn luyện trực tuyến phải tuân thủ các nội dung của chương trình đào tạo, huấn luyện theo quy định tại Điều 12 và khoản 1 Điều 21 của Thông tư này.

3. Học liệu đào tạo, huấn luyện trực tuyến được xây dựng theo Chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không tại Điều 12 và khoản 1 Điều 21 của Thông tư này.

4. Phần mềm đào tạo, huấn luyện trực tuyến tổ chức lớp học trên không gian mạng thông qua kênh hình, kênh tiếng, kênh chữ (chia sẻ màn hình máy tính, thiết bị điện tử) và có chức năng sau:

a) Giúp giáo viên giảng bài, tổ chức lưu trữ, chuyển tải học liệu đào tạo, huấn luyện trực tuyến tới học viên; theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên; theo dõi và hỗ trợ học viên khai thác nội dung học tập từ học liệu đào tạo, huấn luyện trực tuyến; tư vấn, hỗ trợ, trả lời câu hỏi và giải đáp thắc mắc của học viên trong quá trình học tập;

b) Giúp học viên truy cập, khai thác nội dung học tập từ học liệu đào tạo, huấn luyện trực tuyến; thực hiện các hoạt động học tập và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của giáo viên; đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi đối với giáo viên và các học viên khác trong không gian học tập;

c) Cho phép cơ sở đào tạo quản lý hồ sơ, tiến trình học tập, kết quả học tập của học viên và các hoạt động dạy của giáo viên; hỗ trợ quản lý các thông tin khác theo yêu cầu của cơ sở đào tạo và cơ quan quản lý nhà nước về đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

5. Hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ quản lý và tổ chức đào tạo, huấn luyện trực tuyến phải bảo đảm:

a) Đường truyền Internet phải đáp ứng nhu cầu truy cập của người dùng, không để xảy ra hiện tượng nghẽn mạng hay quá tải;

b) Thiết bị kết nối, máy tính, thiết bị đầu cuối có cấu hình phù hợp để cài đặt phần mềm đào tạo, huấn luyện trực tuyến;

c) An toàn thông tin, bảo mật đối với chương trình, tài liệu giảng dạy thuộc tài liệu hạn chế theo quy định của pháp luật.

6. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trực tuyến:

a) Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trực tuyến của học viên được thực hiện trực tiếp tại cơ sở đào tạo, huấn luyện. Trường hợp học viên không thể đến cơ sở đào tạo tại thời điểm kiểm tra, đánh giá kết quả học tập vì lý do bất khả kháng, thiên tai, dịch bệnh việc tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được thực hiện bằng hình thức trực tuyến;

b) Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo hình thức trực tuyến phải bảo đảm chính xác, công bằng, khách quan.

7. Hồ sơ đào tạo, huấn luyện trực tuyến được quản lý và lưu trữ tại cơ sở đào tạo, huấn luyện gồm có:

a) Hồ sơ có liên quan đến các nội dung quy định tại khoản 3 và khoản 6 của Điều này;

b) Dữ liệu về quá trình đào tạo, huấn luyện trực tuyến trên hệ thống đào tạo, huấn luyện trực tuyến;

c) Kế hoạch đào tạo, huấn luyện trực tuyến tại cơ sở đào tạo, huấn luyện theo các lớp học, môn học;

d) Hồ sơ kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của học viên.

Chương IV
SÁT HẠCH NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Điều 16. Hội đồng sát hạch

1. Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam thành lập Hội đồng sát hạch để tổ chức sát hạch theo từng lĩnh vực chuyên môn và trình độ tiếng Anh để cấp giấy phép, năng định cho nhân viên hàng không.

2. Cục Hàng không Việt Nam được phép sử dụng cơ sở vật chất, chuyên gia của các tổ chức trong và ngoài nước để tổ chức sát hạch nhân viên hàng không.

3. Hội đồng làm việc phải có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự, quyết định theo đa số; trường hợp các thành viên trong Hội đồng có ý kiến ngang nhau thì thực hiện theo kết luận của Chủ tịch Hội đồng.

Điều 17. Nhiệm vụ của Hội đồng sát hạch

1. Xây dựng và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng sát hạch.

2. Thành lập Tổ sát hạch theo từng lĩnh vực chuyên môn và trình độ tiếng Anh.

3. Tổ chức xây dựng kế hoạch sát hạch, quy trình sát hạch, nội dung sát hạch, đề và đáp án sát hạch trình Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam ban hành.

4. Tổ chức sát hạch và báo cáo Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam kết quả sát hạch để cấp giấy phép, năng định chuyên môn, chứng nhận trình độ tiếng Anh cho nhân viên hàng không.

5. Chủ tịch Hội đồng sát hạch chịu trách nhiệm về việc lựa chọn sát hạch viên và kết quả sát hạch trước Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam.

6.[10] Tổ chức chấm phúc khảo (nếu có) đối với bài sát hạch trên giấy và thông báo kết quả cho người đề nghị phúc khảo.

7.[11] Lập Biên bản làm việc của Hội đồng sát hạch theo mẫu quy định tại Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 18. Nhiệm vụ của Tổ sát hạch[12]

1. Biên soạn câu hỏi, đề sát hạch lý thuyết, thực hành, đáp án và thang điểm phù hợp, báo cáo Hội đồng sát hạch.

2. Kiểm tra phương tiện, trang thiết bị, địa điểm sát hạch, phương án bảo đảm an toàn trong quá trình sát hạch.

---

[10] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2022.

[11] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2022.

[12] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2022.

3. Yêu cầu thí sinh chấp hành nội quy sát hạch; không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết, sát hạch thực hành.

4. Lập biên bản, xử lý các trường hợp vi phạm nội quy trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc báo cáo Hội đồng sát hạch.

5. Thực hiện việc sát hạch, tổng hợp kết quả, đánh giá kỳ sát hạch để báo cáo Hội đồng sát hạch.

6. Sát hạch viên chịu trách nhiệm về kết quả sát hạch theo sự phân công của Tổ sát hạch. Tổ trưởng Tổ sát hạch chịu trách nhiệm về kết quả của kỳ sát hạch và báo cáo kết quả sát hạch trước Hội đồng sát hạch.

Điều 19. Tiêu chuẩn sát hạch viên

1. Sát hạch viên chuyên môn có các tiêu chuẩn như sau:

a) Có tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống tốt, không vi phạm kỷ luật trong 03 (ba) năm gần nhất;

b) Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực tham gia sát hạch;

c) Có kinh nghiệm ít nhất 03 (ba) năm làm việc ở vị trí chuyên môn phù hợp với lĩnh vực tham gia sát hạch.

2. Sát hạch viên tiếng Anh đáp ứng một trong các tiêu chuẩn như sau:

a) Là chuyên gia khai thác trong lĩnh vực chuyên ngành hàng không tương ứng, có ít nhất 05 (năm) năm kinh nghiệm, có trình độ cử nhân Anh ngữ hoặc tương đương, có chứng chỉ đánh giá tiếng Anh hàng không do cơ sở đào tạo được ICAO hoặc Cục Hàng không Việt Nam công nhận;

b) Là giáo viên tiếng Anh có ít nhất 05 (năm) năm giảng dạy liên tục tại các trường đại học, có chứng nhận đánh giá tiếng Anh hàng không do cơ sở đào tạo được ICAO hoặc Cục Hàng không Việt Nam công nhận.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Báo cáo Cục Hàng không Việt Nam khi có sự thay đổi về các nội dung theo hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định của pháp luật chuyên ngành hàng không.

2.[13] Tổ chức biên soạn và ban hành giáo trình đào tạo, huấn luyện phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 12 và khoản 1 Điều 21 của Thông tư này; quyết định hình thức đào tạo, huấn luyện trực tiếp hoặc đào tạo, huấn luyện trực tuyến.

3. Tổ chức thực hiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không và cấp chứng chỉ chuyên môn theo quy định tại Thông tư này.

4. Triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

5.[14] Báo cáo Cục Hàng không Việt Nam về kết quả thực hiện hoạt động đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không, chi tiết như sau:

a) Tên báo cáo: kết quả đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không;

b) Nội dung báo cáo: các nội dung liên quan đến công tác đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định tại Phụ lục 07, 07A, 07B;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: báo cáo định kỳ được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc bản sao điện tử, được gửi bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp; gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần suất báo cáo: định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 20 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 năm thuộc kỳ báo cáo;

---

[13] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2022.

[14] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2022.

g) Mẫu đề cương báo cáo: theo quy định tại Phụ lục 07, 07A, 07B ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Lưu giữ hồ sơ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định hiện hành.

Điều 21. Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam

1. Ban hành chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không chi tiết.

2. Kiểm tra, giám sát việc sát hạch, cấp giấy phép, năng định chuyên môn, chứng nhận trình độ tiếng Anh cho nhân viên hàng không.

3. Xây dựng cơ sở dữ liệu và đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất, áp dụng công nghệ thông tin để quản lý nhân viên hàng không, cơ sở đào tạo, sát hạch nhân viên hàng không.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

Các cơ sở đào tạo đã được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận có trách nhiệm hoàn thiện đầy đủ chương trình, giáo trình đào tạo, huấn luyện quy định tại Thông tư này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Thông tư có hiệu lực.

Điều 23. Hiệu lực thi hành[15]

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 5 năm 2018 và thay thế Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT ngày 21/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

---

[15] Điều 3 của Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2022 quy định như sau:

*"**Điều 3. Điều khoản thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2022.

2. Các khóa đào tạo, huấn luyện đang thực hiện đào tạo, huấn luyện trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục được thực hiện đến khi hoàn thành.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

quy định về nhân viên hàng không, cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không và cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 31/VBHN-BGTVT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2022

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Anh Tuấn

Phụ lục 01
MẪU CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN
TRAINING ORGANIZATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Biểu trưng của cơ sở đào tạo, huấn luyện

Ảnh màu
(Color photo)
3 x 4 cm

CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN
PROFESSIONAL CERTIFICATE
THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN
HEAD OF TRANING ORGANIZATION
CHỨNG NHẬN
CERTIFIES THAT

Ông/Bà (Mr/Ms):.....

Ngày sinh (Date of birth):
.....

Nơi sinh (Place of birth):
.....

Đã hoàn thành khóa học..... Has successfully completed the course of: .....
(Tên khóa học/Name of the course)

Thời gian khóa học từ ngày (from):..... đến ngày (to):.....

Tốt nghiệp loại (Grade): .....

Số QĐ/Decision N°:
Số vào sổ/Manual N°: */CCCM*

……, day (ngày)... month (tháng)... year (năm)...
THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN
HEAD OF TRAINING ORGANIZATION
(Ký tên, đóng dấu/Sign and Stamp)

Phụ lục 02

MẪU CHỨNG NHẬN TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
MINISTRY OF TRANSPORT
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Ảnh màu (Color photo)
3cm x 4cm

CHỨNG NHẬN TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
CERTIFICATE OF ENGLISH LANGUAGE PROFICIENCY
CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
DIRECTOR GENERAL OF CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM
CHỨNG NHẬN
CERTIFIES THAT

Ông/Bà (Mr/Ms):.....

Ngày sinh (Date of birth):.....

Quốc tịch/Nationality: .....

Đạt trình độ tiếng Anh mức/Has achieved English language proficiency level: .....

Dành cho/For:.....

Có giá trị từ/Validity from:..... đến/until: .....

Số QĐ/Decision N°:
Số vào sổ/Manual N°:

……, ngày….. tháng…. năm….
……, day….. month….. year…..
CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL
(Ký tên, đóng dấu/Sign and Stamp)

(Xem tiếp Công báo số 687 + 688)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng